

Bản án số: 329/2022/DS-PT

Ngày 23-5-2022

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu hủy quyết định hành
chính cá biệt*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khương

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Thủy và ông Lê Văn An

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Trần Ngọc Đám - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định hành chính cá biệt*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2021/DS-ST ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 743/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Tăng Văn N, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã N1, huyện XM, tỉnh Sóc Trăng;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lý B, sinh ngày 01/01/1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thị trấn LH, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng; Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông Tăng Văn E, sinh năm 1955 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã N1, huyện XM, tỉnh Sóc Trăng;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Việt Hưng, sinh ngày 01/01/1966 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: LK 02-41 đường C3, khu dân cư CM, khóm 1, phường 7, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng (Theo Giấy ủy quyền ngày 20/6/2020).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà NLQ1, sinh năm 1962 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã N1, huyện XM, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của người liên quan bà NLQ1: Ông Tăng Văn N, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã N1, huyện XM, tỉnh Sóc Trăng – Giấy ủy quyền ngày 15/6/2020.

3.2. Ngân hàng M;

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng M: Ông Lâm Minh K, sinh ngày 05/7/1975 – Phó Giám đốc, kiêm Giám đốc Phòng giao dịch N1 Ngân hàng M chi nhánh huyện XM, tỉnh Sóc Trăng – theo Giấy ủy quyền số 125/GUQ-NHNoMX ngày 09/3/2021 của Giám đốc Ngân hàng M chi nhánh huyện XM, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.3. Ủy ban nhân dân huyện XM, tỉnh Sóc Trăng;

Địa chỉ: ấp XV, thị trấn XM, huyện XM, tỉnh Sóc Trăng;

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện XM: Ông Ngô Minh S – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện XM, tỉnh Sóc Trăng – theo Văn bản ủy quyền số 938/UBND-VP ngày 14/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện XM, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.4. Ông NLQ2, sinh năm 1953 (vắng mặt);

Địa chỉ: xã Hòa Tú 2, huyện XM, tỉnh Sóc Trăng.

3.5. Ông NLQ3 (có tên gọi khác là Nguyễn Trường G), sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: xã Hòa Tú 2, huyện XM, tỉnh Sóc Trăng.

3.6. Ông NLQ4, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: xã Hòa Tú 2, huyện XM, tỉnh Sóc Trăng.

3.7. Ông NLQ5, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã N1, huyện XM, tỉnh Sóc Trăng.

3.8. Ông NLQ6, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã N1, huyện XM, tỉnh Sóc Trăng.

4. Người kháng cáo: Bị đơn là ông Tăng Văn E.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2020 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Tăng Văn N trình bày:

Ông Tăng Văn N có thửa đất số 539, tờ bản đồ số 03, diện tích 5.200m², tọa lạc tại ấp L, xã N1, huyện XM, tỉnh Sóc Trăng được Ủy ban nhân dân huyện

XM cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0745090, số vào sổ 00160 ngày 30/9/1994, giấy chứng nhận này ông N đang thế chấp vay tiền tại Ngân hàng M – Chi nhánh huyện XM, tỉnh Sóc Trăng và thửa đất số 540, tờ bản đồ số 03, diện tích 5000m², tọa lạc tại ấp L, xã N1, huyện XM, tỉnh Sóc Trăng do ông Tăng Văn N và vợ là bà NLQ1 đứng tên quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 291596, số vào sổ 21H ngày 16/01/2006 do Ủy ban nhân dân huyện XM cấp.

Năm 2005, ông Tăng Văn N có cho ông Tăng Văn E mượn một phần đất để làm đường nước, kéo lúa và phục vụ việc sản xuất nông nghiệp có số đo chiều ngang 02m, chiều dài 75m đi qua hai thửa đất: Thửa đất số 539 có chiều ngang 02m, chiều dài 37,5m và thửa 540 có chiều ngang 02m, chiều dài 37,5m, cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp L, xã N1, huyện XM, tỉnh Sóc Trăng.

Do ông E trồng cây đước trên đất ông N cho mượn làm cản trở đường nước ông N đang nuôi tôm, nên ông N có gửi đơn lên ban nhân dân ấp L yêu cầu ông E chặt đước, ông E thống nhất chặt, Ban nhân dân ấp có lập biên bản cho ông E và ông N có ký tên vào (hiện biên bản ông E giữ).

Đến ngày 18/3/2020, ông E yêu cầu ông N tách quyền sử dụng phần đất cho ông N mượn vào năm 2005 để trả lại cho ông E đứng tên nhưng ông N không đồng ý.

Nay, ông Tăng Văn N yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết: Buộc ông Tăng Văn E tự đốn hàng cây đước trả lại phần đất cho ông N có chiều ngang 02m, chiều dài 37,5m thuộc thửa 539 và phần đất có chiều ngang 02m, chiều dài 37,5m tại thửa 540, cùng tờ bản đồ số 3, cùng tọa lạc tại ấp L, xã N1, huyện XM, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện ủy quyền của bị đơn là ông Trần Việt Hưng trình bày:

Phần diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc do cha của ông E là ông Tăng Văn Siêng cho ông E từ năm 1980 và cũng đã được ông E đào thành mương năm 1980 để tiêu thoát nước trong canh tác đất của gia đình ông E ở phía bên trong.

Không những thế, từ năm 1998 ông E còn đào thêm đường mương nước nối với đường mương nước đang tranh chấp trở vào phía bên trong để tiêu thoát nước trong canh tác phần đất của ông E nhưng thuộc ấp Hòa Nhờ B, xã Hòa Tú 2, huyện XM (hiện nay phần đất đó ông E đã cho con gái của ông tên Tăng Thị Tiền canh tác) và ông E cũng có cho một số hộ khác có đất tọa lạc phía bên trong đường mương nước đang tranh chấp nhưng thuộc ấp Hòa Nhờ B sử dụng nhờ đường mương nước đó từ năm 1998 cho đến nay và đường mương nước đang tranh chấp đó cũng là đường mương duy nhất để tiêu thoát nước trong canh tác chung cho cả 6 hộ có đất tọa lạc phía bên trong đường mương nước đang tranh chấp (trong đó có ông E).

Ủy ban nhân dân huyện XM cấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn và bà NLQ1 trùng lên đường mương nước đang tranh chấp là cấp sai đối tượng; Vì phần đất tranh chấp ông E đã quản lý, sử dụng từ năm

1980 cho đến nay và gia đình ông E còn trồng gần 100 cây đước đến nay đã được 22 năm tuổi, nhưng từ khi ông E trồng cây đước cho đến khi nguyên đơn khởi kiện ông E ra Tòa án thì nguyên đơn và bà NLQ1 cũng không tranh chấp hay ngăn cản gì cả.

Vào năm 2000, ranh đất liên quan phần đất đang tranh chấp trong vụ án nêu trên đã được cha ông E cùng với trưởng ban nhân dân ấp lúc đó là ông Đoàn Minh Hoàng chứng kiến việc giữa ông E với nguyên đơn và bà NLQ1 cắm cọc ranh đất bằng trụ đá, nên đã được hai bên giữ nguyên hiện trạng từ đó cho đến nay.

Do đó ông ông E yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án:

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0745090, số vào sổ 00160 do Ủy ban nhân dân huyện XM cấp cho ông Tăng Văn N vào ngày 30/9/1994 đối với thửa đất số thửa đất số 539, tờ bản đồ số 03, diện tích 5.200m², tọa lạc tại ấp L, xã N1, huyện XM, tỉnh Sóc Trăng liên quan đến phần đất tranh chấp có chiều ngang 02m, chiều dài 37,5m tại thửa đất 539.

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 291596 (số vào sổ 21.H) do Ủy ban nhân dân huyện XM cấp cho ông Tăng Văn N và bà NLQ1 vào ngày 16/01/2006 đối với thửa đất số 540, tờ bản đồ số 03, diện tích 5000m², tọa lạc tại ấp L, xã N1, huyện XM, tỉnh Sóc Trăng liên quan đến phần đất tranh chấp có chiều ngang 02m, chiều dài 37,5m tại thửa 540.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Tăng Văn Phi trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2021: Ông Phi là em thứ sáu của ông N, ông E và là em của bà Tăng Thị Thủy là vợ ông Phan Văn Bắc. Ông Phi biết sự việc tranh chấp giữa ông N với ông E là đường nước. Ông Phi biết là ông E có hỏi ông N mượn một đường nước và đúng là đường nước mà hiện nay ông E đang sử dụng và cũng đúng là đường nước mà hiện nay ông N đang tranh chấp. Nguồn gốc đất của ông Phi, ông N, ông E và ông Tuấn là do cha ruột là ông Tăng Văn Siêng cho. Ông Siêng cho bao nhiêu đất thì hiện nay đã được cấp giấy tờ đầy đủ. Đất của ông Phi và ông N có cắm ranh đầy đủ. Lúc cắm ranh đất của ông Phi và ông N có thương lượng với nhau để cắm và hiện vẫn còn tồn tại 02 ranh trụ đá này. Phần đất có đường nước mà hiện nay ông N yêu cầu đòi lại là của ông N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Bắc trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2021: Ông Bắc là anh rể của ông N và là em rể của ông E và không có mâu thuẫn với ai. Vợ ông Bắc là Tăng Thị Thủy là chị của ông N và là em của ông E. Sự việc tranh chấp giữa ông N với ông E thì ông Bắc không biết vì ông Bắc đã chuyển nhượng đất cho ông N năm 2000 thửa đất số 540, có diện tích là 5.000m². Lúc ông Tăng Văn Siêng còn sống và làm ruộng thì đã cho ông N đào đường nước nhỏ để lấy nước từ sông lên đưa vào ruộng của ông N là Thửa đất số 539. Sau này thì đường nước lớn hơn và dài hơn. Phần đất đường nước thì hiện nay nằm cặp thửa đất của ông Bắc chuyển nhượng cho ông N và cặp phần đất của ông Tăng Văn Tuấn. Phần đất cặp sông là một bên của ông E và một bên của ông Tăng Văn Phi thì có một đường nước nằm bên đất của ông Phi, đến phần đường nước của ông N thì khi ông Siêng cho

đã đào chiều ngang khoảng 01 lưỡi xẻng dài đến đất của ông N. Phần đường nước của ông N nằm cặp đất của ông Bắc chuyển nhượng cho ông N và cặp đất của ông Tuấn, chứ không nằm trên phần đất nào của ai hết mà nằm ngay giữa. Đường nước đó sau này có mở rộng ra.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông NLQ2 trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/7/2021: Do ông nuôi tôm gần chỗ ông E và sử dụng chung đường nước với ông E nên biết sự việc tranh chấp giữa ông N với ông E và không có mâu thuẫn với ai. Phần đất đường nước là đất của cha ông E là ông Tăng Văn Siêng cho từ trước đến giờ. Thời gian cho là khoảng hai mươi mấy năm rồi ông không nhớ. Phần đất có đường nước ngang 03m dài 75m giáp đất ông N đang canh tác, phần đất của ông E nằm ở phía sau nên không có đường nước. Khi ông Siêng cho đất ông E thì có địa phương ra làm chứng và cắm ranh. Phần đất có đường nước mà hiện nay ông N đòi lại là của ông Siêng cho ông E.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông NLQ3 (có tên gọi khác là Nguyễn Trường G) và ông NLQ4 trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/7/2021: Ông NLQ3, ông NLQ4 là người cùng xóm với ông N và ông E nhưng khác ấp và không có mâu thuẫn với bên nào. Ông NLQ3, ông NLQ4 có sử dụng chung đường nước với ông E nên biết sự việc tranh chấp giữa ông N với ông E. Phần đất của ông E nằm ở phía sau nên không có đường nước nên ông Tăng Văn Siêng là cha của ông N và ông E mới cho một phần đất để làm đường nước hiện nay.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông NLQ5 và ông NLQ6 trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/7/2021: Ông NLQ5 là con ông E và ông NLQ6 là con rể của ông E và không có mâu thuẫn với bên nào. Ông NLQ5, ông NLQ6 có sử dụng chung đường nước với ông E nên biết phần đất có đường nước là của ông Tăng Văn E do ông nội là ông Tăng Văn Siêng cho ông E. Phần đất có đường nước ngang 03m dài 75m một bên giáp đất ông N đang canh tác và một bên giáp đất của ông Tăng Văn Tuấn nhưng đã cố đất cho ông NLQ5, phần đất của ông E nằm ở phía sau không có đường nước nên ông Siêng mới cho một phần đất để làm đường nước hiện nay. Việc ông Siêng cho đất ông E làm đường nước thì không có giấy tờ nhưng ông nội là ông Siêng và đại diện chính quyền địa phương là ông Đoàn Minh Hoàng đứng ra đo đạc cắm ranh. Phần đất có đường nước hiện nay mà ông N tranh chấp là của ông E do ông nội là ông Siêng cho.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2021/DS-ST ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã quyết định như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tăng Văn N về việc buộc bị đơn ông Tăng Văn E chặt hàng cây được trả lại phần đất có chiều ngang 02m, chiều dài 37,5m thuộc thửa 539 và phần đất có chiều ngang 02m, chiều dài 37,5m tại thửa 540, cùng tờ bản đồ số 3, cùng tọa lạc tại ấp L, xã N1, huyện XM, tỉnh Sóc Trăng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Tăng Văn E về việc hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 151,6m² thuộc Thửa đất số

540, 539, Tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp L, xã N1, huyện XM, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0745090 ngày 30/9/1994 và số AH 291596 ngày 16/01/2006 do Ủy ban nhân dân huyện XM cấp cho ông Tăng Văn N, bà NLQ1. (Kèm theo sơ đồ hiện trạng thửa đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn Hưng Phú Thành thực hiện).

Buộc bị đơn ông Tăng Văn E phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá với số tiền 5.970.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022 ông E nộp đơn kháng cáo đề ngày 04/01/2022, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng không buộc ông E phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá với số tiền 5.970.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Phía nguyên đơn ông Tăng Văn N vắng mặt, nên không có văn bản gửi cho Tòa án cấp phúc thẩm nêu ý kiến về việc kháng cáo của nguyên đơn.

- Phía bị đơn ông Tăng Văn E vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Trần Việt Hưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (đơn ghi ngày 05/5/2022 có chứng thực của Văn phòng Công chứng Nguyễn Châu, tỉnh Sóc Trăng), trong đơn có nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không buộc bị đơn ông Tăng Văn E phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá với số tiền 5.970.000 đồng.

Các đương sự khác trong vụ án vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Kháng cáo của ông Tăng Văn E là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm không buộc ông Tăng Văn E phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá với số tiền 5.970.000 đồng.

Trên cơ sở xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của bị đơn là ông Tăng Văn E đề nghị sửa bản án sơ thẩm số 24/2021/DS-ST ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng về nội dung buộc ông E phải chịu số tiền 5.970.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Về tố tụng:

[1] Ngày 14 tháng 12 năm 2021 Tòa án sơ thẩm tuyên bản án số 24/2021/DS-ST, người đại diện được ông E ủy quyền là ông Trần Việt Hưng vắng mặt, bị đơn ông E cũng không có mặt khi Tòa tuyên án. Ngày 29/12/2021 Thừa phát lại đã giao bản án 24/2021/DS-ST cho ông Hưng (Bút lục 400); Ngày 30/12/2021 Thừa phát lại đã giao bản án 24/2021/DS-ST cho anh Tăng Văn

Chuyên là con ruột của ông E (Bút lục 401). Ngày 10 tháng 01 năm 2022 Tòa án sơ thẩm nhận được đơn kháng cáo của ông E đề ngày 04/01/2022. Như vậy, đơn kháng cáo của ông E đúng trong hạn luật định.

Về nội dung:

[2] Nguyên đơn ông Tăng Văn N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Tăng Văn E phải chặt bỏ hàng cây đước và trả lại diện tích đất có chiều ngang 02m, chiều dài 37,5m thuộc thửa số 539 và diện tích đất có chiều ngang 02m, chiều dài 37,5m tại thửa số 540, cùng tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp L, xã N1, huyện XM, tỉnh Sóc Trăng, nhưng không được Tòa án sơ thẩm chấp nhận;

[3] Bị Đơn ông Tăng Văn E có yêu cầu độc lập (Theo Điều 345 và khoản 5 Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự), đề nghị hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0745090 ngày 30/9/1994 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH291596 ngày 16/01/2006 do Ủy ban nhân dân huyện XM, tỉnh Sóc Trăng, cấp cho ông Tăng Văn N, bà NLQ1, đối với diện tích đất 151,6m², nhưng không được Tòa án sơ thẩm chấp nhận.

[4] Tại Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự, quy định: Đương sự phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá, thẩm định tài sản. Theo quy định của pháp luật khi giải quyết tranh chấp về quyền sử dụng đất phải tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và nếu đương sự không thỏa thuận được với nhau về giá trị tài sản có tranh chấp thì phải tiến hành định giá, thẩm định tài sản. Trong vụ án này, nguyên đơn ông Tăng Văn N khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất, có đơn đề nghị xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá, thẩm định tài sản. Nhưng sau đó không được Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nên căn cứ vào Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự đã viện dẫn nêu trên thì nguyên đơn ông Tăng Văn N phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá, thẩm định tài sản trong vụ án này là số tiền 11.940.000đ.

[5] Còn bị đơn ông Tăng Văn E chỉ có yêu cầu độc lập hủy quyết định hành chính cá biệt (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), Tòa án chỉ xem xét về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có hợp pháp hay không mà không xem xét đến quyền về tài sản, nên bị đơn ông Tăng Văn E không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá, thẩm định tài sản.

[6] Như vậy, Tòa án sơ thẩm buộc bị đơn ông E phải chịu ½ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 5.970.000 đồng là không có căn cứ, nên kháng cáo của bị đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Điều 157; Điều 165; Khoản 2 Điều 308; Khoản 1 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Tăng Văn E;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2021/DS-ST ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá, thẩm định tài sản.

Buộc nguyên đơn ông Tăng Văn N phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá, thẩm định tài sản là 11.940.000đ (Mười một triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 11.940.000đ (Mười một triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng) ông Tăng Văn N đã nộp.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Tăng Văn E không phải chịu.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP, (TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Khương